

Biểu số: 1301.N.KTN

Kèm theo Thông tư số 131/2025/TT-BTC

ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính

Thời hạn báo cáo: Trước ngày 30 tháng 06 năm

sau báo cáo

Đơn vị báo cáo:

Vụ Tài chính - Kinh tế ngành

Đơn vị nhận báo cáo:

Cục Công nghệ thông tin và chuyển đổi

số

**BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ
NGHIỆP CÔNG LẬP**

Năm:....

TT	Nội dung báo cáo	Đơn vị tính	Thực hiện năm trước	Dự kiến năm kế hoạch	Ghi chú
	(A)		(1)	(2)	(3)
A	BÁO CÁO TỔNG HỢP				
I	Tổng số đơn vị SNCL	Đơn vị			
II	Số lượng đơn vị được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
III	Tổng số người làm việc	Người			
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN	Người			
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
a	Ngân sách nhà nước cấp	Triệu đồng			

	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Triệu đồng			
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng			
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng			
b	Nguồn thu phí được để lại chi	Triệu đồng			
c	Nguồn thu dịch vụ khác	Triệu đồng			
d	Nguồn vay nợ, viện trợ	Triệu đồng			
e	Nguồn khác	Triệu đồng			
2	Sử dụng nguồn tài chính	Triệu đồng			
a	Chi từ nguồn NSNN cấp	Triệu đồng			
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng			
b	Chi phục vụ công tác thu phí	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
d	Chi vay nợ, viện trợ	Triệu đồng			
e	Chi khác	Triệu đồng			
3	Chênh lệch thu chi (1)	Triệu đồng			
4	Trích lập các Quỹ	Triệu đồng			
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng			
b	Quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng			
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng			

d	Quỹ khác (2)	Triệu đồng			
B	BÁO CÁO CHI TIẾT THEO LĨNH VỰC (3)				
B.1	Lĩnh vực				
I	Số lượng đơn vị SNCL	Đơn vị			
II	Số lượng đơn vị SNCL được giao tự chủ tài chính	Đơn vị			
1	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị			
2	Đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
3	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị			
4	Đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị			
III	Tổng số người làm việc	Người			
	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN				
IV	Kết quả hoạt động tài chính	Triệu đồng			
1	Nguồn tài chính	Triệu đồng			
a	Ngân sách nhà nước cấp	Triệu đồng			
	- NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Triệu đồng			
	- NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng			
	- NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng			
b	Nguồn thu phí được để lại chi	Triệu đồng			
c	Nguồn thu dịch vụ khác	Triệu đồng			
d	Nguồn vay nợ, viện trợ	Triệu đồng			
e	Nguồn khác	Triệu đồng			
2	Sử dụng nguồn tài chính	Triệu đồng			

a	Chi từ nguồn NSNN cấp	Triệu đồng			
	- Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi thường xuyên giao tự chủ	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
	- Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng			
b	Chi phục vụ công tác thu phí	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
c	Chi hoạt động dịch vụ khác	Triệu đồng			
	<i>Trong đó: Quỹ lương</i>				
d	Chi vay nợ, viện trợ	Triệu đồng			
3	Chênh lệch thu chi	Triệu đồng			
4	Trích lập các Quỹ	Triệu đồng			
a	Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng			
b	Quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng			
c	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Triệu đồng			
d	Quỹ khác	Triệu đồng			
5	Hệ số thu nhập tăng thêm	Lần (quỹ tiền lương)			
B.2	Lĩnh vực				
					
B.3	Lĩnh vực				

Ghi chú:

(*) Báo cáo từng năm theo mẫu trên, báo cáo giai đoạn 05 năm bổ sung thành 05 cột; trong đó, năm hiện hành là số liệu dự kiến, các năm trước là số liệu ước thực hiện

(1) *Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ.*

(2) *Thuyết minh chi tiết quỹ khác (nếu có): Căn cứ trích lập, mức trích lập.*

(3) *Báo cáo chi tiết theo 07 lĩnh vực sự nghiệp: Giáo dục và đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, y tế, thông tin truyền thông, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao và du lịch, sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác.*

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

NGƯỜI KIỂM TRA BIỂU

(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 1301.N.KTN: Báo cáo thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

1. Khái niệm:

- *Cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công* là các quy định về quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc thực hiện quy định về danh mục sự nghiệp công; giá, phí và lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công; phân loại mức độ tự chủ tài chính; tự chủ sử dụng nguồn tài chính; tự chủ trong hoạt động liên doanh, liên kết; quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định khác có liên quan.

2. Nguồn số liệu: Từ dữ liệu hành chính do Vụ Tài chính - Kinh tế ngành, Vụ Các định chế tài chính, Vụ Quốc phòng, an ninh, đặc biệt (Vụ I) báo cáo.

3. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số liệu thực hiện năm trước tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 2: Ghi số liệu dự kiến năm kế hoạch tương ứng với các dòng của cột A.
- Cột 3: Ghi chú (nếu có) tương ứng với các dòng của cột A.